

Bản án số: **78/2021/HNGĐ-ST**

Ngày: 17/12/2021

"Về việc ly hôn và nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN MINH, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Mỹ Huê

Các Hội thẩm nhân dân: - Ông Nguyễn Tấn Đức

- Bà Hồ Thị Hoa

- Thư ký phiên tòa: bà Phan Thị Hồng Nhung - Thư ký Tòa án nhân dân huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa: Ông Trần Văn Ý - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 12 năm 2021, tại Phòng xử án Tòa án nhân dân huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 112/2021/TLST- HNGĐ ngày 26 tháng 4 năm 2021 về "Ly hôn và nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 127/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 11 năm 2021 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị **Trần Thị Đ**, sinh năm 1983 (*vắng mặt có đơn*)

2. *Bị đơn:* Anh **Trần Văn T**, sinh năm 1981 (*vắng mặt*)

Cùng địa chỉ: Ấp Thạnh Thuận (*nay là ấp Xẻo Ngát B*), xã Tân Thạnh, huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo đơn khởi kiện xin ly hôn ghi ngày 26/02/2021 và quá trình tố tụng nguyên đơn chị H trình bày và yêu cầu như sau:**

Chị Đ và anh T kết hôn với nhau năm 2002, tại UBND xã Tân Thạnh, huyện An Minh. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là sống không hợp nhau, anh T sinh tật ghen vô cớ, dùng lời nói xúc phạm chị Đ, mỗi khi chị nói thì bị anh T đánh đập, nhưng chị cố gắng nhẫn nhịn để duy trì tình cảm vợ chồng nuôi con nhưng không mang lại kết quả, chị xác định không thể chung sống với anh T được nên đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Trần Văn T.

- Về con chung: Chị Đ và anh T có 02 đứa con chung, tên Trần Văn Trong, sinh ngày 24/9/2003 và Trần Thị Cẩm Hiền, sinh ngày 26/7/2005. Hiện

nay đưa con lớn là tên Trọng đã trưởng thành, Cẩm Hiền đang sống với chị Đ. Khi ly hôn đối với con tên Trần Văn Trọng, không yêu cầu Tòa giải quyết, chị yêu cầu nuôi Cẩm Hiền vì Cẩm Hiền có nguyện vọng sống với chị, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con cùng chị Đ.

- Về tài sản; về nợ chung: Chị Đ xác định không tranh chấp, không yêu cầu Tòa giải quyết.

*** Bị đơn anh Trần Văn T không có ý kiến trình bày:**

*** Tại phiên tòa:** Chị Đ có đơn đề nghị xét xử vắng; bị đơn anh T vắng mặt.

*** Kiểm sát viên phát biểu:**

Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án thực hiện đầy đủ, đúng trình tự, thủ tục theo quy định pháp luật tố tụng dân sự, đối với người tham gia tố tụng thì từ khi thụ lý vụ án đến nay nguyên đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình. Bị đơn chưa thực hiện đầy đủ nghĩa vụ và quyền của mình theo quy định.

Ý kiến về giải quyết vụ án: Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thì xác định chị Đ và anh T kết hôn với nhau tháng 8 năm 2009, trong thời gian chung sống thì phát sinh nhiều mâu thuẫn nên chị Đ khởi kiện yêu cầu được ly hôn với anh T, xét thấy hôn nhân giữa chị Đ và anh T đã phát sinh mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, Tòa án đã tổ chức nhiều phiên hòa giải mục đích nhằm động viên anh chị đoàn tụ nhưng cả hai lần anh T không đến nên xác định anh T không còn tha thiết về chung sống với chị Đ, theo văn bản ý kiến của chị Đ yêu cầu xin được ly hôn với anh T nên đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Đ cho chị được ly hôn với anh T theo quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình 2014.

- Về con chung: Trong thời gian chung sống chị Đ và anh T có 02 đứa con chung, đối với Trần Văn Trọng, sinh năm 2003 đến nay đã đủ tuổi trưởng thành và tự lao động sinh sống được nên đề nghị không xem xét. Cháu Trần Thị Cẩm Hiền, sinh ngày 26/7/2005 có thể hiện nguyện vọng sống với chị Đ, anh T không ý kiến phản đối nên đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu của chị Đ. Khi ly hôn giao cháu Hiền cho chị Đ trực tiếp nuôi là phù hợp quy định tại khoản 3 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình 2014

- Về tài sản và nợ: Chị Đ xác định không tranh chấp, không yêu cầu Tòa giải quyết, anh T không ý kiến nên đề nghị không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra, xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử (HĐXX) nhận định:

[1] **Về tố tụng:** Sau khi Thụ lý vụ án, Tòa án nhân dân huyện An Minh tổng đạt thông báo thụ lý cho anh T biết về việc chị Đ xin được ly hôn với anh,

yêu cầu được nuôi con, sau khi nhận được văn bản đã hết thời gian quy định anh T không ý kiến nên Tòa án thực hiện các thủ tục theo quy định, hai lần hòa giải anh T không đến, không tham gia phiên tòa xét xử. Tại phiên tòa hôm nay chị Đ có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, anh T đã được Tòa án triệu tập đến lần thứ hai không lý do nên HĐXX xét xử vụ án vắng mặt chị Đ và anh T theo quy định khoản 1 Điều 227 và 228 của bộ luật tố tụng dân sự.

[2] *Xét về quan hệ hôn nhân*: Chị Đ và anh T có đăng ký kết hôn năm 2009, trong thời gian chung sống vợ chồng đã phát sinh nhiều mâu thuẫn nên chị Đ khởi kiện xin ly hôn đối với anh T. Xét thấy, hôn nhân giữa chị Đ và anh T xác lập năm 2009 có đăng ký kết hôn nên được xác định là hôn nhân hợp pháp, việc đăng ký kết hôn phù hợp theo quy định tại Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3] *Xét yêu cầu xin ly hôn của chị Đ đối với anh T thấy rằng*: Tình trạng hôn nhân giữa chị Đ và anh T đã xảy ra nhiều mâu thuẫn, đó là; vợ chồng mà không ai quan tâm nhau, không cùng nhau xây dựng hạnh phúc gia đình, không sống chung với nhau một thời gian dài nên được xác định vi phạm nghĩa vụ vợ và chồng theo quy định tại 19 Luật hôn nhân và gia đình. Chị Đ yêu cầu được ly hôn với anh T, anh T từ khi thụ lý vụ án cho đến nay không ý kiến trình bày, Tòa án triệu tập xét xử không đến xét thấy anh T không còn tha thiết trở về đoàn tụ với chị Đ để xây dựng hạnh phúc gia đình nên HĐXX cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị Đ và ý kiến của Kiểm sát viên cho chị Đ được ly hôn với anh T theo quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình 2014.

[4] *Về con chung*: Chị Đ và anh T có 02 đứa con chung tên Trần Văn Trong, sinh ngày 24/9/2003 đã trưởng thành và tự lao động sinh sống được chị Đ không yêu cầu nên không xem xét; con thứ hai tên Trần Thị Cẩm Hiền, sinh ngày 26/7/2005, hiện nay chị Đ đang trực tiếp nuôi, cháu Hiền có ý kiến nguyện vọng sống với chị Đ, xét thấy: yêu cầu của chị Đ được nuôi con phù hợp với nguyện vọng của cháu Hiền và phù hợp quy định tại Điều 81 và Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình 2014 nên cần chấp nhận yêu cầu của chị Đ.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Đ không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] *Về tài sản và nợ chung*: Chị Đ xác định không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] *Về án phí*: Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự, điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về án phí và lệ phí của Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự, Điều 56 Điều 81 và Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về án phí và lệ phí của Tòa án.

[1]. *Về quan hệ hôn nhân*: Cho chị Trần Thị Đ được ly hôn với anh Trần Văn T.

[2]. *Về con chung*: Giao cháu Trần Thị Cẩm Hiền, sinh ngày 26/7/2005 cho chị Trần Thị Đ trực tiếp nuôi dưỡng (*hiện nay cháu Hiền đang sống với chị Đ*). Cháu Trần Văn Trọng, sinh năm 2003 đã đủ tuổi trưởng thành và tự lao động sinh sống được nên không xem xét.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Đ không yêu cầu anh Thanh cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét.

[3]. *Về tài sản và nợ chung*: Chị Đ xác định không tranh chấp, không yêu cầu Tòa giải quyết, nên không xem xét.

[4]. *Về án phí sơ thẩm ly hôn*: 300.000đ chị Trần Thị Đ phải chịu án phí dân sự sơ thẩm xin ly hôn 300.000 đồng nhưng được trừ vào số tiền 300.000đ mà chị nộp theo biên lai số 0006352 ngày 20 tháng 4 năm 2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện An Minh. Chị Đ đã nộp xong án phí dân sự sơ thẩm.

[5]. *Về quyền kháng cáo*: Các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản chính của bản án này theo thủ tục Tố tụng dân sự.

Trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi gửi;

- VKSND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện An Minh;
- TAND tỉnh Kiên Giang;
- Các đương sự;
- UBND xã Vân Khánh;
- Chi cục THADS huyện An Minh;

Lê Mỹ Huê